

Bản án số: 17/2023/DS-PT

Ngày: 10/01/2023

V/v: Tranh chấp chia di sản
thừa kế.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hồng.

Các Thẩm phán: 1. Ông Lê Thanh Bình
2. Ông Trương Chí Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Đức- Thư ký Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 518/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022, về việc tranh chấp chia di sản thừa kế.

Do Bản án sơ thẩm số 68/2022/DS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 521/2022/QĐ-PT ngày 12/12/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 546/2022/QĐHPT-PT ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Công C**, sinh năm 1983; Trú tại: Thôn X, xã Phú Châu, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

2/ Bị đơn: Anh **Nguyễn Mạnh Đ**, sinh năm 1977; Trú tại: Thôn Y, xã Phú Châu, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội; người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1956; Trú tại: Thôn Z, xã Phú Châu, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo uỷ quyền: Công ty Luật TNHH TGS; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Giám đốc; người đại diện theo uỷ quyền của Công ty Luật TNHH TGS: Ông Lê Minh Cường, sinh năm 1988; bà Nguyễn Kiều Trinh, sinh năm 2000 - Nhân viên Công ty Luật TNHH TGS (theo văn bản uỷ quyền ngày 06/9/2022 và Quyết định cử đại diện số 1612.02/2022/QĐ-TGSLAW ngày 16/12/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thị Loan, sinh năm 1984 - Công ty Luật TNHH TGS.

3/ Người (Cơ quan) có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Nguyễn Thị L** (mẹ anh C), sinh năm 1956; Trú tại: Thôn X, xã Phú Châu, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

3.2. Anh **Nguyễn Văn C** (em anh C), sinh năm 1985; Trú tại: Thôn Z, xã Phú Châu, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

3.3. Chị **Phùng Thị H** (vợ anh C), sinh năm 1986; Trú tại: Thôn X, xã Phú Châu, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

3.4. Ủy ban nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Mạnh Hưng - Chủ tịch; người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Nam - Trưởng phòng TN&MT huyện Ba Vì.

3.5. Ủy ban nhân dân xã Phú Châu, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị Oanh** - Chủ tịch.

3.6. Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1951; Trú tại: Thôn Z, xã Phú Châu, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

3.7. Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1956; Trú tại: Thôn Z, xã Phú Châu, huyện Ba Vì, hành phố Hà Nội; người đại diện theo uỷ quyền: Công ty Luật TNHH TGS; người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Tuấn - Giám đốc; người đại diện theo uỷ quyền của Công ty Luật TNHH TGS: Ông Lê Minh Cường, sinh năm 1988; bà Nguyễn Kiều Trinh, sinh năm 2000 - Nhân viên Công ty Luật TNHH TGS (theo văn bản uỷ quyền ngày 06/9/2022 và Quyết định cử đại diện số 1612.02/2022/QĐ-TGSLAW ngày 16/12/2022).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn L: Luật sư Nguyễn Thị Loan - Công ty Luật TNHH TGS - Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

3.8. Bà **Đinh Thị T**, sinh năm 1929; Trú tại: Thôn X, xã Phú Châu, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

3.9. Bà **Nguyễn Thị V**, sinh năm 1959; Trú tại: Xóm Trại, thôn Táo, xã Tâm Thuận, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

3.10. Ông **Nguyễn Quý C**, sinh năm 1961; Trú tại: Thôn X, xã Phú Châu, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

3.11. Anh **Nguyễn Văn M (T)**, sinh năm 1972; Trú tại: Thôn X, xã Phú Châu, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

3.12. Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1965; Trú tại: Thôn X, xã Phú Châu, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

3.13. Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1964; Trú tại: Thôn Z, xã Phú Châu, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

3.14. Chị **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1970; Trú tại: Thôn P, xã Phú Châu, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

3.15. Chị **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1976; Trú tại: Thôn P, xã Phú Châu, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

3.16. Ông **Phan Quốc Q**, sinh năm 1960.

3.17. Chị **Phan Thị Mai Hg**, sinh năm 1983.

3.18. Chị **Phan Thị Mai L**, sinh năm 1999.

3.19. Chị **Phan Thị Thu H**, sinh năm 2003.

3.20. Anh **Phan Quý M (H)**, sinh năm 1987.

Cùng trú tại: Thôn Z, xã Phú Châu, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - anh Nguyễn Công C trình bày:

Bố đẻ anh là ông Nguyễn Quý Đ (sinh năm 1953, chết ngày 05/02/2018); mẹ đẻ anh là bà Nguyễn Thị L, sinh 1956. Bố mẹ anh kết hôn với nhau từ năm 1981, sinh được 2 người con là anh - Nguyễn Công C (sinh năm 1983) và em anh là Nguyễn Văn C1 (sinh năm 1985); ngoài ra không có con nuôi nào khác.

Trước khi kết hôn với mẹ anh, bố anh có kết hôn với người vợ thứ nhất là bà Trần Thị V. Ông Đ với bà V có một con chung là anh Nguyễn Mạnh Đ (sinh năm 1977); ngoài ra không có con nuôi nào khác. Năm 1978, Ông Đ ly hôn với bà V. Năm 1981, Ông Đ kết hôn với bà L.

Diện tích đất 188m² thuộc thửa số 150, tờ bản đồ số 10, tại thôn Y, xã Phú Châu, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là thửa số 150, thôn Y, xã Phú Châu); chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ). Theo sổ mục kê tại chính quyền xã Phú Châu thì thửa đất đứng tên Ông Đ.

Nguồn gốc thửa đất là của ông nội anh là cụ Nguyễn Văn Th (chết năm 1997) và bà nội anh là cụ Bùi Thị V (chết năm 1956) để lại cho bố mẹ anh ở và sử dụng từ năm 1981 cho đến nay. Tại sổ mục kê tại UBND xã Phú Châu, huyện Ba Vì thì năm 1988, cụ Th đã tách ra làm 2 thửa: Một thửa diện tích đất 188m², thuộc thửa số 150, thôn Y, xã Phú Châu cho Ông Đ đứng tên; một thửa số 149, thôn Y, xã Phú Châu, diện tích 284m² (hiện nay cụ Th1 - vợ hai của cụ Th đang sử dụng). Cả hai mảnh đất đều chưa được cấp GCNQSDĐ. Từ năm 1988 đến nay, gia đình anh sử dụng riêng biệt và đã đóng thuế đất. Trước có ngôi nhà cấp 4, năm 1999 do nhà đã dột nát nên bố mẹ anh xây lại. Năm 2012, vợ chồng anh xây một nhà 2 tầng tiền xây là của vợ chồng anh từ nguồn tiền anh đi xuất khẩu lao động Hàn Quốc gửi về. Hiện nay, có mẹ anh, vợ chồng anh và 03 con nhỏ là cháu Nguyễn Quý Việt, sinh ngày 11/6/2009; cháu Nguyễn Ngọc LC, sinh ngày 31/12/2017; cháu Nguyễn QB, sinh ngày 21/10/2018 đang ở trên thửa đất.

Ngày 18/10/2017, bố, mẹ anh có họp gia đình và lập di chúc để lại cho anh được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ thửa số 150, thôn Y, xã Phú Châu. Buổi họp có mặt bố mẹ anh; anh và em trai anh là Công và có 2 người làm chứng là ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu T1. Khi đó bố mẹ anh hoàn toàn minh mẫn. Ngày 05/02/2018, bố anh chết. Xuất phát từ ý nguyện của bố anh và mong muốn của mẹ anh; anh đề nghị UBND xã Phú Châu và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền mở thừa kế và cấp GCNQSDĐ cho anh theo di chúc, nhưng anh Nguyễn Mạnh Đ - là con riêng của bố anh không đồng ý với bản di chúc. Nay anh đề nghị

Toà án xem xét bản di chúc ngày 18/10/2017 của bố anh để lại và anh đề nghị hưởng theo di chúc.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn - anh Nguyễn Văn Đ và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông là chú ruột anh Đ (là em trai ruột ông Nguyễn Quý Đ). Bố ông là cụ Th (sinh năm 1926, chết năm 1997) kết hôn với bà Bùi Thị V (chết cuối năm 1956); cụ Th và cụ V sinh được 3 người con: 1/ Bà Nguyễn Thị V, sinh 1950; 2/ Ông Nguyễn Quý Đ, sinh 1953, chết năm 2018; 3/ Ông - Nguyễn Văn L, sinh 1956.

Năm 1958, cụ Th kết hôn với cụ Đinh Thị T (sinh năm 1930); cụ Th và cụ Th1 sinh 09 người con gồm: 1/ Bà Nguyễn Thị V, sinh 1959; 2/ Ông Nguyễn Văn C, sinh 1961, 3/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963, chết năm 2007 (có chồng là Phan Văn Q, có 04 người con là Phan Thị H, sinh năm 1983; Phan Văn H1, sinh năm 1985; Phan Thị L, sinh năm 1999; Phan Thị H, sinh năm 2003); 4/ Bà Nguyễn Thị N, sinh 1965; 5/ Bà Nguyễn Thị Đ, sinh 1964; 6/ Bà Nguyễn Thị S (tức T), sinh 1970; 7/ Ông Nguyễn Văn M (tức T), sinh 1972; 8/ Bà Nguyễn Thị L (tức N), sinh năm 1974 (chết năm 1993, không có chồng; 9/ Bà Nguyễn Thị C (tức Đ), sinh 1976.

Năm 1983, ông xây dựng gia đình và năm 1986 ông được UBND xã chia đất ra ở riêng từ ngày đó cho đến nay.

Nguồn gốc thửa đất 150, thôn Y, xã Phú Châu là của cụ Th; trên diện tích đất trước có 1 nhà 5 gian gỗ, Ông Đ và bà L đã phá đi xây lại. Hiện nay, diện tích đất trên do Ông Đ, bà L và các con sử dụng. Theo dòng họ ông có tục lệ (trưởng kế trưởng), anh C là con thứ lại là con bà hai, anh C không có quyền chia diện tích đất này, diện tích đất này phải giao cho anh Nguyễn Mạnh Đ quản lý, sử dụng vì anh Đ là con trưởng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị L trình bày:

Chồng bà ông là Nguyễn Quý Đ (sinh năm 1953, chết ngày 05/2/2018). Bà và Ông Đ kết hôn với nhau năm 1981; ông bà sinh được 2 người con là Nguyễn Công C, sinh năm 1983 và Nguyễn Văn C1, sinh năm 1985; ngoài ra ông bà không có con con nuôi. Trước khi kết hôn với bà, Ông Đ kết hôn với vợ thứ nhất là bà Trần Thị V (sinh năm 1957) và sinh được 1 người con là anh Nguyễn Mạnh Đ (sinh năm 1977). Năm 1978, Ông Đ và bà V ly hôn.

Năm 1981, Ông Đ kết hôn với bà và ông bà về sinh sống tại thửa số 150, tại thôn Y, xã Phú Châu. Theo sổ mục kê năm 1988, đứng tên Ông Đ; vợ chồng bà đã nộp thuế từ năm 1981. Vợ chồng bà và anh C đã xây nhà và công T phụ trên thửa đất, sinh sống ổn định từ ngày đó cho đến nay.

Nguồn gốc thửa đất là của bố chồng bà là cụ Nguyễn Văn Th để lại cho chồng bà ở và sử dụng. Theo sổ mục kê tại UBND xã Phú Châu thì năm 1988; cụ Th đã tách đất của cụ ra làm 2 thửa, một thửa mang số thửa 150, thôn Y, xã Phú Châu cho Ông Đ đứng tên và một thửa mang số thửa 149, thôn Y, xã Phú Châu thì

cụ Th đứng tên có diện tích 284m² (hiện nay cụ Th1 - là vợ hai của cụ Th đang sử dụng).

Ngày 18/10/2017, vợ chồng bà có họp gia đình và lập di chúc để lại cho con Nguyễn Công C được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 188m², thửa số 150, thôn Y, xã Phú Châu. Tại cuộc họp có mặt vợ chồng bà, hai con là C và C1 và có 2 người làm chứng là ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu T1. Khi đó, Ông Đ hoàn toàn minh mẫn. Ngày 05/02/2018, Ông Đ chết do đột quỵ. Di chúc của chồng bà là có thật và hoàn toàn tự nguyện. Nay anh C có đơn đề nghị Toà xem xét để hưởng tài sản theo di chúc bà hoàn toàn nhất trí và để lại nhà đất cho anh Nguyễn Công C toàn bộ nhà đất.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - anh Nguyễn Văn C1 trình bày:

Bố đẻ anh là ông Nguyễn Quý Đ, sinh năm 1953, chết ngày 05/02/2018; mẹ anh là bà Nguyễn Thị L, sinh 1956. Bố mẹ anh kết hôn với nhau năm 1981; bố mẹ anh sinh được hai con là anh Nguyễn Công C, sinh năm 1983 và anh - Nguyễn Văn C1, sinh năm 1985; ngoài ra bố mẹ anh không có con nuôi nào khác.

Tài sản của bố anh để lại là diện tích đất 188m², thửa số 150, thôn Y, xã Phú Châu. Diện tích đất chưa được cấp GCNQSDĐ. Theo sổ mục kê lưu tại UBND xã thì thửa đất đứng tên bố anh. Nguồn gốc thửa đất là của ông nội anh là cụ Nguyễn Văn Th (chết năm 1997) và bà nội anh là cụ Bùi Thị V (chết năm 1956) để lại cho bố mẹ anh ở và sử dụng từ năm 1981 cho đến nay. Theo sổ mục kê tại UBND xã Phú Châu thì năm 1988, cụ Th đã tách đất của cụ ra làm hai thửa: một thửa diện tích đất 188m², thửa số thửa 150, thôn Y, xã Phú Châu, cho bố anh và một thửa diện tích 284m² mang số thửa 149, thôn Y, xã Phú Châu, (hiện nay cụ Th1 là vợ hai của cụ Th đang sử dụng).

Ngày 18/10/2017, bố mẹ anh có tổ chức họp gia đình và lập di chúc để lại cho anh trai anh là anh Nguyễn Công C được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 188m², thửa số 150, thôn Y, xã Phú Châu. Buổi họp có mặt bố mẹ anh; anh và anh C; có mặt hai người làm chứng là ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu T1. Tại thời điểm đó bố mẹ anh hoàn toàn minh mẫn; ngày 05/02/2018 bố anh mất. Nay anh đề nghị Tòa án xem xét công nhận bản di chúc ngày 18/10/2017 của bố anh để lại cho anh Nguyễn Công C toàn bộ diện tích đất, nhà vì đó là ý chí và mong muốn của bố anh. Về phần anh không yêu cầu và nhường lại cho anh C.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Phùng Thị Hải trình bày:

Chị kết hôn với anh C năm 2008. Sau khi kết hôn, chị về ở với gia đình nhà chồng; có bố chồng chị là Ông Đ và mẹ chồng chị là bà L cùng ở trên thửa đất. Lúc đó, gia đình nhà chồng chị chỉ có ngôi nhà cấp 4. Năm 2013, vợ chồng chị xây nhà 2 tầng bằng nguồn tiền của anh C đi xuất khẩu lao động Hàn Quốc gửi về.

Ngày 18/10/2017, bố mẹ chồng chị tổ chức cuộc họp gia đình và lập di chúc để lại cho anh Nguyễn Công C được quyền quản lý, sử dụng diện tích đất 188m², thửa số 150, thôn Y, xã Phú Châu. Buổi họp có mặt bố mẹ chồng chị; chồng chị và

em C; có hai người làm chứng là ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu T1. Bố chồng chị giao cho chị viết biên bản cuộc họp. Khi đó bố mẹ chồng chị hoàn toàn minh mẫn, ngày 05/02/2018 bố chồng chị chết. Nay anh C đề nghị Toà án xem xét bản di chúc ngày 18/10/2017 của bố mẹ chồng chị để lại cho anh C nhà, đất, nhà theo quy định pháp luật chị hoàn toàn đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị Đào, Nguyễn Thị Nu, Nguyễn Thị Sen cùng trình bày:

Các đều là con gái của cụ Đinh Thị T và cụ Nguyễn Văn Th. Nguồn gốc thửa đất diện tích 188m², thửa số 150, thôn Y, xã Phú Châu là của ông cha để lại cho ông Nguyễn Quý Đ ở từ bé. Sau đó, đến các cháu ở từ đó đến nay. Mảnh đất trên thuộc dòng họ Nguyễn Quý, dòng họ có tục lệ trưởng kế trưởng; anh C là con thứ lại là con bà hai nên anh C không có quyền chia diện tích đất này; diện tích đất này phải giao cho anh Nguyễn Mạnh Đ quản lý, sử dụng vì anh Đ là con trưởng; các bà không đòi hỏi quyền lợi gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Quý Chung trình bày:

Ông là con của cụ Đinh Thị T và cụ Nguyễn Văn Th. Nguồn gốc diện tích 188m², thửa số 150, thôn Y, xã Phú Châu khi cụ Th còn sống đã giao cho ông Nguyễn Ngọc Đình (hiện đã chết); khi cụ Th giao chỉ giao miệng, không có văn bản; dòng họ ông có tục lệ trưởng kế trưởng. Khi nào vợ chồng Ông Đ chết thì giao tài sản trên cho cháu Nguyễn Mạnh Đ là con trưởng được quyền quản lý. Ông không đòi hỏi quyền lợi gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị V trình bày:

Bà là bá ruột của cháu Nguyễn Công C và cháu Nguyễn Mạnh Đ, là chị gái ruột của ông Nguyễn Quý Đ. Bà không biết nguồn gốc thửa đất cháu C đang yêu cầu Tòa án giải quyết có từ đâu nhưng hiện nay em dâu bà là Nguyễn Thị L và cháu Nguyễn Công C đang ở trên thửa đất này. Nếu thửa đất số 150, thôn Y, xã Phú Châu bà được quyền thừa kế thì bà nhường lại cho cháu trưởng là cháu Đồng. Bản thân bà không có yêu cầu và đề nghị gì, bà xin được vắng mặt các buổi làm việc của Tòa án vì lý do sức khỏe.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - cụ Đinh Thị T trình bày:

Cụ là vợ của cụ Nguyễn Văn Th (sinh 1926, chết năm 1997); anh Nguyễn Công C, anh Nguyễn Mạnh Đ gọi cụ là bà; anh C, anh Đ là cháu nội của con bà cả. Trước khi kết hôn với cụ thì cụ Th có kết hôn với cụ V (chết năm 1956). Cụ Th và cụ V sinh được ba người con là Nguyễn Thị V; Nguyễn Quý Đ (chết năm 2018) và Nguyễn Văn L. Sau khi cụ V chết, cụ và cụ Th kết hôn với nhau năm 1958. Cụ và cụ Th sinh được chín người con là: Nguyễn Thị Vít, Nguyễn Quý Chung, Nguyễn Thị Hoa (chết năm 2007), Nguyễn Thị Nu, Nguyễn Thị Đào, Nguyễn Thị Sen (tên khác Thom), Nguyễn Văn Mười (tên khác Tâm), Nguyễn Thị Lý (tên khác Ngát, chết năm 1993), Nguyễn Thị Chín (tên khác Đức).

Sau khi kết hôn với cụ Th, cụ về chung sống với cụ Th cùng bố đẻ và các con riêng của cụ Th. Anh Đáp là con thứ hai của cụ Th kết hôn với chị Trần Thị V; anh Đáp, chị Vân sinh được một người con là Nguyễn Mạnh Đ. Năm 1978, anh Đáp, chị Vân ly hôn. Sau đó, anh Đáp tiếp tục kết hôn với chị Nguyễn Thị L; anh Đáp với chị Luyến sinh được hai người con là Nguyễn Công C và Nguyễn Văn C1.

Hiện nay, chị Luyến và cháu C đang ở trên thửa số 150, thôn Y, xã Phú Châu. Anh Đáp kết hôn với chị Luyến được khoảng nửa tháng thì cụ cho anh Đáp, chị Luyến ra ăn riêng nhưng vẫn ở chung nhà. Sau đó, cụ và cụ Th xuống nhà (cụ hiện nay đang sống) để ở. Hiện nay, cụ đang ở trên thửa đất số 149, diện tích 284m², chưa được cấp GCNQSDĐ. Nguồn gốc đất là do bố cụ là Đinh Văn Thịnh (đã chết) mua cho cụ thời gian nào cụ không nhớ, không có giấy tờ mua bán gì. Thửa đất này cụ đang ở ổn định, xây nhà, tường bao kiên cố, không có tranh chấp với các thửa đất liền kề. Nay cháu Nguyễn Công C kiện chia thừa kế thừa số 150, thôn Y, xã Phú Châu thì cụ có quan điểm như sau: Dòng họ cụ có truyền thống cha truyền, con nối, nếu cụ được thừa kế, cụ nhường phần của cụ cho cháu Nguyễn Mạnh Đ để cháu thờ cúng tổ tiên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Vít trình bày:

Bà là con của cụ Th và cụ Th1; bố bà có hai vợ, sinh được mười hai người con. Bà cả sinh được ba người con trong đó có ông Nguyễn Quý Đ; bà hai sinh được chín người con. Trước khi cụ Th qua đời có cho người con trai cả là Nguyễn Quý Đ được quyền sử dụng, phát triển trên thửa đất số 150, diện tích đất 188m² tại thôn Y, xã Phú Châu. Nay Ông Đ đã chết mà đất vẫn chưa được cấp GCNQSDĐ. Từ bao đời nay, mảnh đất trên thuộc dòng họ Nguyễn Quý, thuộc phái 2, chi 2. Theo truyền thống của dòng họ thì việc thờ cúng tổ tiên là trưởng kế trưởng. Nay cháu Nguyễn Công C là con thứ của Ông Đ làm đơn kiện cháu Nguyễn Mạnh Đ là con cả của Ông Đ đòi chia phần thừa kế của cha ông. Bà là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, mong hai cháu hòa giải với nhau, nếu không hòa giải được, mà bà là người được thừa kế mảnh đất trên, bà sẽ nhường phần của bà cho cháu Nguyễn Mạnh Đ để cháu làm nơi thờ cúng tổ tiên. Vì điều kiện bận công việc, bà xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết, xét xử vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn Mười (tên gọi khác Tâm) và bà Nguyễn Thị Chín trình bày:

Ông bà là con của cụ Th và cụ Th1. Sinh thời, cụ Th có hai vợ, sinh được mười hai người con. Bà cả sinh được ba người con trong đó có ông Nguyễn Quý Đ, bà hai sinh được chín người con. Trước khi cụ Th qua đời, có cho người con trai cả là Nguyễn Quý Đ được quyền sử dụng, phát triển trên diện tích đất 188m², thửa đất số 150, thôn Y, xã Phú Châu. Nay Ông Đ đã chết mà đất vẫn chưa được cấp GCNQSDĐ. Mảnh đất trên thuộc dòng họ Nguyễn Quý, thuộc phái 2, chi 2; theo truyền thống của dòng họ thì việc thờ cúng tổ tiên là trưởng kế trưởng. Nay cháu Nguyễn Công C là con thứ của Ông Đ làm đơn kiện cháu Nguyễn Mạnh Đ là con cả của Ông Đ đòi chia phần thừa kế của cha ông. Ông bà là người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan trong vụ án, mong hai cháu hòa giải với nhau, nếu không hòa giải được, nếu được thừa kế thì ông bà sẽ nhường phần cho cháu Nguyễn Mạnh Đ để cháu làm nơi thờ cúng tổ tiên.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Phan Quốc Quyền trình bày:

Ông là chồng bà Nguyễn Thị Hoa, là con rể của cụ Th, cụ Th1. Ông không có ý kiến gì về việc chia phần tài sản thừa kế, ông từ chối tham gia tố tụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Phan Thị Mai Lan, anh Phan Quý Mến và Phan Thị Thu Hiền trình bày:

Các anh chị là con của bà Nguyễn Thị Hoa (chết năm 2007) và ông Phan Quốc Quyền; là cháu ngoại của cụ Th, cụ Th1. Nay anh Nguyễn Công C đề nghị Tòa án chia thừa kế theo di chúc của ông Nguyễn Quý Đ. Bản thân các anh chị là cháu ngoại, nên xin từ chối liên quan đến việc chia thừa kế, xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết, xét xử vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - chị Phan Mai Hương trình bày:

Chị là con của bà Nguyễn Thị Hoa (chết năm 2007) và ông Phan Quốc Quyền; là cháu ngoại của cụ Th, cụ Th1. Gia đình Ông Đ và bà L đang sử dụng thửa đất số 150, tờ bản đồ số 10, thôn Y, xã Phú Châu từ lâu, hiện nay anh C đang sử dụng. Trước khi Ông Đ mất có viết di chúc để lại đất cho anh C. Nay anh C có yêu cầu sử dụng mảnh đất theo di chúc của Ông Đ là đúng pháp luật, chị xin được vắng mặt khi Tòa án giải quyết, xét xử vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người (pháp nhân) có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - UBND xã Phú Châu trình bày:

Đối với thửa đất số 150, tờ bản đồ số 10, thôn Y, xã Phú Châu, hiện nay do bà Nguyễn Thị L đang quản lý, sử dụng. Căn cứ sổ mục kê năm 1988, tương ứng với bản đồ số 05, tỷ lệ 1/2000 đo đạc năm 1971 đến 1973; tại trang số 33 ghi thửa 712, diện tích 580m² đứng tên cụ Th (là bố đẻ Ông Đ) sau đó “gạch” có tách ra làm 02 thửa là 719^a, diện tích 290m² đứng tên cụ Th và thửa 719^b diện tích 290m² đứng tên Ông Đ. Căn cứ sổ mục kê kiêm thống kê ruộng đất năm 1992 đến năm 2000, tại trang 15, dòng thứ 16 từ dưới lên có ghi Nguyễn Đáp (là chồng bà Nguyễn Thị L), thuộc tờ bản đồ số 10 đo vẽ năm 1991, tỷ lệ 1/1000, số thửa 150, diện tích 188m² có ghi: Tờ bản đồ số 10, xứ đồng TC, chủ quản lý và sử dụng Nguyễn Quý Đ, thửa 150, diện tích 188. Căn cứ sổ địa chính + đất % lập năm 1993 đến năm 1999; tại trang 136 có ghi hộ ông Nguyễn Quý Đ tờ bản đồ số 10 năm 1991, tỷ lệ 1/1000, diện tích 188m² có ghi: Tờ bản đồ số 10, xứ đồng TC, chủ quản lý và sử dụng Nguyễn Quý Đ, thửa 150, diện tích 188.

Qua kiểm tra thấy rằng, đối với thửa 719^a trước đây đứng tên cụ Th (bố đẻ Ông Đ). Hiện nay theo bản đồ 299 là thửa 149, diện tích 284m², diện tích đất này hiện do cụ Đinh Thị T là vợ hai cụ Th đang quản lý, sử dụng.

Diện tích đất tranh chấp tại thửa đất số 150 có diện tích biến động. Bản đồ 1971 đến 1973 thì có diện tích 290m² đến bản đồ 299 có diện tích 188m², đo đạc

thực tế có diện tích 244m²; lý do tăng, giảm, tăng diện tích là do có sự biến động. Hiện trạng đất hiện nay được phân định ranh giới với các hộ liền kề là tường bao, các hộ sử dụng ổn định, không tranh chấp.

Nay anh Nguyễn Công C khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với diện tích đất này, với tư cách là người đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, bà có ý kiến như sau: Đề nghị Tòa án xem xét đến tổng diện tích đất ban đầu để giải quyết vụ việc theo quy định. Đối với diện tích đất đo hiện trạng thừa so với diện tích đất theo bản đồ 299 đề nghị Tòa án xem xét tạm giao cho người được sử dụng nếu các hộ liền kề không có tranh chấp, người được tạm giao phải thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước nếu diện tích đất tạm giao thuộc diện phải thực hiện nghĩa vụ tài chính. Do điều kiện bận công việc không thể tham gia tố tụng tại Tòa án bà xin được vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người (pháp nhân) có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - UBND huyện Ba Vì trình bày:

Đối với thửa đất số 150, thôn Y, xã Phú Châu hiện nay do bà Nguyễn Thị L (là mẹ anh Nguyễn Công C) đang quản lý, sử dụng. Căn cứ sổ mục kê tại UBND xã Phú Châu năm 1988 diện tích 580m² đứng tên cụ Th (là bố đẻ ông Nguyễn Quý Đ) sau đó gạch có tách ra làm 02 thửa là 719^a, diện tích 290m² đứng tên cụ Th và thửa 719^b diện tích 290m² đứng tên Ông Đ (hiện nay do bà Nguyễn Thị L đang quản lý, sử dụng). Căn cứ sổ mục kê kiêm thống kê ruộng đất năm 1992 đến năm 2000, có ghi Nguyễn Đáp (là chồng bà Nguyễn Thị L), tờ bản đồ số 10 đo vẽ năm 1991, tỷ lệ 1/1000, thửa 150, diện tích 188m² có ghi: Tờ bản đồ số 10, xứ đồng TC, chủ quản lý và sử dụng Nguyễn Quý Đ, thửa 150, diện tích 188. Đối với thửa 719^a trước đây đứng tên cụ Th. Hiện nay theo bản đồ 299 là thửa 149, diện tích 284m², diện tích đất này hiện do bà Đinh Thị T - là vợ hai cụ Th sử dụng. Bản đồ 1971 đến 1973 thì có diện tích 290m², thửa đất số 150 theo bản đồ 299 có diện tích là 188m²; hiện nay đo đạc thực tế có diện tích 244m²; lý do tăng, giảm, tăng diện tích là do có sự biến động. Hiện trạng đất hiện nay được phân định ranh giới với các hộ liền kề là tường bao, các hộ sử dụng ổn định, không tranh chấp, không nằm trong quy hoạch.

Nay anh Nguyễn Công C khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với diện tích đất này. Đề nghị Tòa án xem xét đến tổng diện tích đất ban đầu để giải quyết vụ việc theo quy định. Đối với diện tích đất đo hiện trạng thừa so với diện tích đất theo bản đồ 299 đề nghị Tòa án xem xét tạm giao cho người được sử dụng nếu các hộ liền kề không có tranh chấp, người được tạm giao phải thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước nếu diện tích đất tạm giao thuộc diện phải thực hiện nghĩa vụ tài chính. Do điều kiện bận công việc không thể tham gia tố tụng tại Tòa án, bà xin được vắng mặt.

Quá trình thu thập chứng cứ:

Tại biên bản thẩm định - định giá tài sản ngày 03/6/2022 thể hiện: Thửa đất số 150 theo bản đồ 299 có diện tích là 188m², qua đo đạc thực tế có diện tích 244m². Giá thị trường tại thời điểm định giá là 6.000.000 đồng/m², có giá trị như sau: 244m² x 6.000.000 đồng/m² = 1.464.000.000đ (một tỷ bốn trăm sáu mươi bốn triệu đồng).

Trên đất có: 01 nhà cấp bốn, khung gỗ, lợp gói ta, nền gạch hoa, có sơn tường, sửa chữa lại năm 1999, nhà không có khu phụ; 01 nhà hai tầng, nền gạch hoa, cửa gỗ, có sơn tường, nhà xây dựng năm 2012, tầng hai một phần lợp mái tôn; 01 nhà bếp lợp Proximăng, nền gạch chỉ, xây dựng năm 1999 và 01 sân gạch đỏ.

Tại Bản án sơ thẩm số 68/2022/DS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của anh Nguyễn Công C.

Công nhận di chúc ngày 18/10/2017 của ông Nguyễn Quý Đ là hợp pháp.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn C1 và chị Phùng Thị Hải. Giao cho anh Nguyễn Công C được quyền sở hữu thửa đất số 150, tờ bản đồ số 10, bản đồ 299, diện tích là 188m² (đo đạc thực tế diện tích 244m² đất thổ cư). (cụ thể: các điểm từ mốc 1 đến mốc 14 là 11,94m; từ mốc 14 đến mốc 13 là 19,03 m; từ mốc 13 đến mốc 12 là 6,54m; từ mốc 12 đến mốc 11 là 4,54 m; từ mốc 11 đến mốc 10 là 2,49m; từ mốc 10 đến mốc 9 là 0,12 m; từ mốc 9 đến mốc 8 là 0,83m; từ mốc 8 đến mốc 7 là 0,74 m; từ mốc 7 đến mốc 6 là 0,74m; từ mốc 6 đến mốc 5 là 3,69m; từ mốc 5 đến mốc 4 là 1,11m; từ mốc 4 đến mốc 3 là 3,55m; từ mốc 3 đến mốc 2 là 0,37m; từ mốc 2 đến mốc 1 là 16,49m (Có bản vẽ sơ đồ kèm theo). Trên đất có: 01 nhà cấp bốn, khung gỗ, lợp gói ta, nền gạch hoa, có sơn tường, sửa chữa lại năm 1999, nhà không có khu phụ; 01 nhà hai tầng, nền gạch hoa, cửa gỗ, có sơn tường, nhà xây dựng năm 2012, tầng hai một phần lợp mái tôn; 01 nhà bếp lợp Proximăng, nền gạch chỉ, xây dựng năm 1999 và 01 sân gạch đỏ tại thôn Y, xã Phú Châu, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

Anh Nguyễn Công C có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đề nghị công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn quyết định xử lý tiền tạm ứng án phí, tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau phiên tòa sơ thẩm, ngày 07/9/2022, ông Nguyễn Văn L - Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - anh Nguyễn Mạnh Đ đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 68/2022/DS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn - anh Nguyễn Công C trình bày: Anh không đồng ý với toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông L. Nhà đất là của cụ Th, đã chia cho bố anh từ năm 1981; đã được cụ Th tách thửa tại sổ mục kê và trên thực tế (ngăn chia ranh giới) từ năm 1988. Bố mẹ anh đã ở trên đất từ đó đến nay, xây nhà hai lần nhà trong đó bố mẹ anh xây nhà mới trên nền nhà cũ và vợ chồng anh xây nhà mới trên một phần thửa đất; khi cụ Th còn sống cụ Th và mọi người trong gia đình, dòng họ không ai phản đối việc đó. Bố mẹ anh đóng thuế đất toàn bộ phần đất này từ mấy chục năm nay.

Khi Nhà nước có kế hoạch cấp GCNQSDĐ, bố anh có ý định làm GCNQSDĐ rồi sang tên cho vợ chồng anh thì nhiều người trong họ phản đối, làm

đơn ra UBND xã, ngăn cản việc làm GCNQSDĐ. Buộc lòng bố anh phải lập Biên bản họp gia đình ngày 18/10/2017; có sự làm chứng của ông Tr, ông Tình. Cho đến phiên tòa hôm nay, hai ông Tr, ông Tình do bị sức ép của họ hàng mà đã thay đổi lời khai. Anh khẳng định việc để lại toàn bộ nhà đất cho anh là ý chí của bố anh và nhiều người biết rõ.

Việc bên bị đơn cho rằng bố anh bị lừa là hoàn toàn không có căn cứ. Nhà bố mẹ anh là nhà ở, có bàn thờ tổ tiên; ngày 16/3 âm lịch gia đình anh làm giỗ họ và mời nhiều người đến dự giỗ họ là việc hết sức bình thường; đây không phải là nhà thờ; cũng không phải đất nhà thờ hoặc đất của dòng họ.

Anh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn - anh Nguyễn Văn Đ và người đại diện theo uỷ quyền trình bày: Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo. Toàn bộ diện tích đất trước đây là của cụ Th, chỉ cho Ông Đ ở trên một phần đất, cụ Th không có văn bản tặng cho hay chia đất. Trên đất có nhà thờ và hàng năm cả chi vẫn về đây dự giỗ họ. Việc vợ chồng Ông Đ, bà L ở trên đất là theo phong tục trưởng kế trưởng. Tuy nhiên, do Ông Đ có ý định sang tên đất cho anh C - là con thứ mà không phải là con trưởng. Việc này gây bất bình trong họ, ông Đỉnh là một người có uy tín trong họ và một số người đã viết đơn ra UBND xã để ngăn cản việc đó. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn C1, chị Phùng Thị Hải: Đồng ý với quan điểm của anh C trình bày. Từ năm 1981, khi Ông Đ lấy bà L thì cụ Th đã cho ông bà ở riêng, ăn riêng và chia khuôn viên riêng biệt. Ông Đ, bà L đã phá nhà cũ và xây nhà mới cụ Th và cả gia đình đều ủng hộ, kê khai việc sử dụng đất với chính quyền. Anh Đ từ nhỏ đã theo mẹ ở xóm bên cạnh và hiện có nhà đất riêng biệt trong khi bà L, anh C, anh Công vẫn ở trên đất từ năm 1981 đến nay, Ông Đ chưa từng chuyển nhượng một diện tích nào. Đề nghị Toà án không chấp nhận kháng cáo của anh Đ; giữ nguyên bản án sơ thẩm, bà L và anh Công đồng ý nhường cho anh C toàn bộ phần tài sản riêng của bà L và phần thừa kế bà L và anh Công được hưởng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Quý Chung, anh Nguyễn Văn Mười, bà Nguyễn Thị Nụ, chị Nguyễn Thị Sen trình bày: Đồng ý với quan điểm của anh Đ và ông L đã trình bày. Không chấp nhận chia toàn bộ nhà đất cho anh C.

Những người làm chứng có mặt tại phiên tòa - ông Nguyễn Hữu T1, ông Nguyễn Văn Trình trình bày: Ông Tr xác nhận khi lập biên bản ngày 18/10/2017 thì Ông Đ minh mẫn nhưng ông không chứng kiến khi Ông Đ lập biên bản. Ông Tr, ông T xác nhận khi dòng họ biết tin Ông Đ muốn làm GCNQSDĐ để sang tên đất đai, nhà cửa cho anh C thì ông Đỉnh - một cụ cao niên và có uy tín trong họ đã viết đơn đề nhiều người trong đó có ông Tr và ông T ký đơn và gửi ra UBND xã để ngăn cản việc UBND xã làm GCNQSDĐ cho Ông Đ. Tục lệ trưởng kế trưởng là

của dòng họ đã từ nhiều đời nên các ông không đồng ý để Ông Đ để lại tài sản cho con thứ.

Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Đ và ông L trình bày quan điểm, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý vụ án đến phiên toà xét xử vụ án.

Về nội dung: Sau khi phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình diễn biến tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; chấp nhận kháng cáo của đại diện theo ủy quyền của bị đơn; sửa bản án sơ thẩm số 68/2022/DS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận Biên bản họp gia đình ngày 18/10/2017 là hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức:

Tại phiên toà sơ thẩm ngày 25/8/2022, ông Nguyễn Văn L là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Mạnh Đ đồng thời cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt. Ngày 07/9/2022, ông L có đơn kháng cáo và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm; người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó kháng cáo đảm bảo về chủ thể, hình thức, nội dung và trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về phạm vi kháng cáo: Ông L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 68/2022/DS-ST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm: Các đương sự đều đã được tổng đạt hợp lệ đến tham gia phiên toà lần thứ hai. Tại phiên toà hôm nay, có mặt ông Nguyễn Công C, anh Nguyễn Mạnh Đ, ông Nguyễn Văn L, ông Lê Minh Cường, bà Nguyễn Thị Kiều Trinh, bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn C1, bà Phùng Thị Hải, ông Nguyễn Quý Chung, anh Nguyễn Văn Mười, bà Nguyễn Thị Nụ, chị Nguyễn Thị Sen. Vắng mặt các đương sự khác không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung, xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn L:

Hội đồng xét xử nhận thấy,

[2.1] Về diện tích đất tranh chấp: Diện tích đất 188m² (đo thực tế là 244 m²) thuộc thửa đất số 150, tờ bản đồ số 10, thôn Y, xã Phú Châu chưa được cấp GCNQSDĐ có nguồn gốc như sau: Theo sổ mục kê tại UBND xã Phú Châu năm

1988, diện tích 580m² đứng tên cụ Th (là bố đẻ ông Nguyễn Quý Đ) sau đó gạch tách ra làm 02 thửa là 719^a, diện tích 290m² đứng tên cụ Th và thửa 719^b diện tích 290m² đứng tên ông Nguyễn Quý Đ. Theo sổ mục kê kiêm thống kê rộng đất năm 1992 đến năm 2000, tờ bản đồ số 10 đo vẽ năm 2000, tỷ lệ 1/1000, thửa đất số 150, diện tích 188m² có ghi chủ quản lý, sử dụng là ông Nguyễn Quý Đ. Hiện nay, do bà Nguyễn Thị L, vợ Ông Đ quản lý, sử dụng. Ông Đ đã thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất từ năm 1993 đến nay, gia đình Ông Đ, bà L và các con đã xây nhà kiên cố, ở ổn định từ năm 1981 cho đến nay. Khi cụ Nguyễn Văn Thụy còn sống không có khiếu nại, thắc mắc gì đối với thửa đất đã tách ra cho ông Đáp và gia đình quản lý, sử dụng.

Các con của cụ Th đều xác nhận diện tích đất 188m² thuộc thửa đất số 150, tờ bản đồ số 10, thôn Y, xã Phú Châu do ông Nguyễn Quý Đ quản lý và sử dụng được tách từ thửa đất của cụ Th. Trên diện tích này trước có 1 nhà 5 gian gỗ, sau đó Ông Đ và bà L đã phá đi xây dựng lại nhà khác và sinh sống liên tục cho đến nay. Việc Ông Đ và bà L xây lại nhà trên đất, cụ Th và các con cụ Th không ai có ý kiến phản đối gì. Diện tích đo đạc hiện nay của thửa đất số 150, tờ bản đồ số 10 là 244m² đất thổ cư. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại UBND xã Phú Châu, các hộ liên kề đều xác định, diện tích đất này gia đình Ông Đ đã sử dụng ổn định, xây nhà kiên cố nhiều năm, các hộ liên kề đã được cấp GCNQSDĐ và không có tranh chấp. Hội đồng xét xử nhận thấy, khi cụ Th tách ra cho Ông Đ đứng tên thì diện tích là 290m², sau đó bản đồ ghi nhận 188m², hiện nay là 244m². Các đương sự đều xác nhận Ông Đ chưa từng chuyển nhượng một diện tích nào. Do vậy, diện tích chênh lệch là do sai số. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định quyền sử dụng đối với thửa đất số 150, tờ bản đồ số 10, diện tích 188m², đo đạc hiện trạng là 244m² đất thổ cư thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Quý Đ là có căn cứ.

Người kháng cáo cho rằng đây là đất nhà thờ họ nhưng không có tài liệu chứng minh; trong khi theo bản đồ đo đạc năm 1971-1972 đã đứng tên cụ Th; sổ mục kê năm 1988; sổ mục kê kiêm thống kê rộng đất năm 1992 đều đứng tên Ông Đ và là đất ở tư nhân. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận việc người kháng cáo cho rằng đây là đất nhà thờ họ hoặc đất của dòng họ.

[2.2] Về biên bản họp gia đình nhận thừa kế quyền sử dụng đất ngày 18/10/2017 của ông Nguyễn Quý Đ: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xuất trình Biên bản họp gia đình nhận thừa kế quyền sử dụng đất ngày 18/10/2017 có nội dung: *Để lại cho anh Nguyễn Công C toàn quyền sử dụng thửa đất.* Tại biên bản ngoài thành viên gia đình như Ông Đ, bà L, anh C, anh Công còn có chữ ký của ông Nguyễn Hữu T1, ông Nguyễn Văn Tình. Biên bản này có nội dung và hình thức là di chúc để lại tài sản của Ông Đ và bà L cho anh C.

Tại biên bản lấy lời khai của bị đơn - anh Nguyễn Mạnh Đ (bút lục 43), anh Đ xác nhận: *“Khi bố tôi còn sống muốn để lại cho em C thừa kế đất đai và nhà cửa nhưng dòng họ Nguyễn Quý, phái 2, chi 2 không đồng ý”*. Tại biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Hữu T1 (bút lục 41) xác nhận: *“có chứng kiến và làm chứng việc*

Ông Đ lập biên bản và khi đó Ông Đ vẫn minh mẫn, không bị lẫn; sau này Ông Đ chết do đột tử”.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L, ông C, anh Đ, ông Tr, ông T đều khai khi dòng họ biết tin Ông Đ muốn làm GCNQSDĐ để sang tên đất đai, nhà cửa cho anh C thì ông Đĩnh - một cụ cao niên và có uy tín trong họ đã viết đơn để nhiều người trong đó có ông Tr và ông T ký đơn và gửi ra UBND xã để ngăn cản việc UBND xã làm GCNQSDĐ cho Ông Đ.

Như Hội đồng xét xử nhận định ở trên, đất có tranh chấp Ông Đ và bà L đã sử dụng từ năm 1981; Ông Đ và bà L nộp thuế và làm nhà kiên cố sinh sống ổn định không ai ngăn cản. Theo sổ mục kê năm 1988 và sổ mục kê kiểm thống kê ruộng đất năm 1992 đến năm 2000 đều đứng tên Ông Đ. Do vậy, có căn cứ Ông Đ và bà L đã sử dụng ổn định đất trước ngày 15/10/1993 và thuộc trường hợp có một trong các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013; đảm bảo điều kiện sử dụng đất ổn định được quy định tại Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính Phủ. Do vậy, Ông Đ và bà L có quyền được cấp GCNQSDĐ theo Điều 5 và khoản 1 Điều 166 Luật đất đai năm 2013. Việc một số cá nhân trong dòng họ có đơn ra UBND xã để ngăn cản việc Ông Đ làm GCNQSDĐ là hành vi trái pháp luật; những người này không có quyền cản trở quyền được cấp GCNQSDĐ của Ông Đ vì không thuộc đối tượng, không thuộc các trường hợp các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền từ chối tiếp nhận hồ sơ của Ông Đ và bà L theo quy định tại khoản 11 Điều 7 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Ông Đ và bà L có quyền khởi kiện hành vi cản trở quyền đề nghị cấp GCNQSDĐ theo Điều 169 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp không bị ngăn cản và được cấp GCNQSDĐ thì Ông Đ và bà L có quyền của người sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 54 Hiến pháp năm 2013; có đầy đủ các quyền chung của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 166 Luật đất đai năm 2013; **được quyền giao dịch về đất như thừa kế, tặng cho...** theo quy định tại Điều 167 Luật đất đai năm 2013; được quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình theo Điều 609 Bộ luật dân sự năm 2015.

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 40 Luật Công chứng 2014 thì hồ sơ yêu cầu công chứng cần có: “**Bản sao *giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng* hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng trong trường hợp hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản đó**”. Hội đồng xét xử nhận thấy, do ông Ông Đ và bà L bị ngăn cản không làm được GCNQSD đối với thửa đất số 150, tờ bản đồ số 10, thôn Y, xã Phú Châu, nên Ông Đ và bà L **không thể lập di chúc có công chứng** cho anh C nhà đất này. Do vậy, Biên bản họp gia đình ngày 18/10/2017 tuy không được công chứng nhưng thể hiện việc Ông Đ có mong muốn và đã có hành động để lại toàn bộ nhà đất cho anh C là sự thật; việc này không chỉ anh C, bà L, anh Công xác nhận mà còn được phía bị đơn - anh Đ; những người liên quan phía anh Đ gồm ông L, ông C; những người làm chứng là ông Tr, ông T đều xác nhận. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy

định tại điểm a khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do vậy, cần xác nhận ý chí của Ông Đ về việc để lại tài sản, nhà đất cho anh C tại biên bản họp gia đình nhận thừa kế quyền sử dụng đất ngày 18/10/2017 là di chúc hợp pháp, phù hợp với Điều 624, Điều 626, Điều 628, Điều 629, Điều 630 Bộ luật dân sự năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tôn trọng sự thật khách quan, bảo vệ lẽ công bằng, có căn cứ nên cần phải giữ nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, phía bị đơn cho rằng Ông Đ lần nhưng không có tài liệu chứng minh, bị đơn cũng không xuất trình được Quyết định của Tòa án về việc tuyên bố mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự đối với Ông Đ; mâu thuẫn với lời làm chứng của ông Tr nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận lời khai của bị đơn. Bị đơn và những người liên quan trong vụ án cho rằng theo truyền thống của dòng họ thì việc thờ cúng tổ tiên là trưởng kế trưởng là trái với quyền bình đẳng về thừa kế của cá nhân được quy định tại Điều 610 Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn L về phần nội. Tuy nhiên, tại phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2022/DSST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội đã tuyên anh Nguyễn Công C được quyền sở hữu thừa đất là không chính xác, cần áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận một phần kháng cáo, sửa lại cách tuyên của Bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do bản án sơ thẩm bị sửa về cách tuyên nên người kháng cáo - ông Nguyễn Văn L không phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm.

Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 54 Hiến pháp năm 2013;
- Điều 169, Điều 609, Điều 610; Điều 624, Điều 626, Điều 628, Điều 629, Điều 630 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Điều 5, khoản 1 Điều 100; khoản 1 Điều 166, Điều 167 Luật đất đai năm 2013;
- Điểm d khoản 1 Điều 40 Luật Công chứng 2014;
- Điều 21 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính Phủ;
- Khoản 11 Điều 7 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Điểm a khoản 1 Điều 92, Điều 271, Điều 272, Điều 273, khoản 2 Điều 296; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Văn L - là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - anh Nguyễn Mạnh Đ, đồng thời là người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan về cách tuyên; sửa Bản án sơ thẩm số 68/2022/DSST ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, cụ thể:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của anh Nguyễn Công C.
2. Công nhận di chúc ngày 18/10/2017 của ông Nguyễn Quý Đ là hợp pháp.
3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn C1 và chị Phùng Thị Hải. Giao cho anh Nguyễn Công C được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 150 tờ bản đồ số 10, theo bản đồ 299 diện tích là 188m² (đo đạc thực tế diện tích 244m² đất thổ cư). (cụ thể: các điểm từ mốc 1 đến mốc 14 là 11,94m; từ mốc 14 đến mốc 13 là 19,03 m; từ mốc 13 đến mốc 12 là 6,54m; từ mốc 12 đến mốc 11 là 4,54 m; từ mốc 11 đến mốc 10 là 2,49m; từ mốc 10 đến mốc 9 là 0,12 m; từ mốc 9 đến mốc 8 là 0,83m; từ mốc 8 đến mốc 7 là 0,74 m; từ mốc 7 đến mốc 6 là 0,74m; từ mốc 6 đến mốc 5 là 3,69m; từ mốc 5 đến mốc 4 là 1,11m; từ mốc 4 đến mốc 3 là 3,55m; từ mốc 3 đến mốc 2 là 0,37m; từ mốc 2 đến mốc 1 là 16,49m (có bản vẽ sơ đồ kèm theo). Anh Nguyễn Công C có quyền sở hữu toàn bộ công T trên đất gồm: 01 nhà cấp bốn, khung gỗ, lợp gói ta, nền gạch hoa, có sơn tường, sửa chữa lại năm 1999, nhà không có khu phụ; 01 nhà hai tầng, nền gạch hoa, cửa gỗ, có sơn tường, nhà xây dựng năm 2012, tầng hai một phần lợp mái tôn; 01 nhà bếp lợp Proximăng, nền gạch chỉ, xây dựng năm 1999 và 01 sân gạch đỏ tại thôn Y, xã Phú Châu, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

Anh Nguyễn Công C có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đề nghị công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Công C phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 55.920.000đ, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000đ theo biên lai số AA/2020/0060109 ngày 31/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì. Anh C phải nộp tiếp số tiền là 48.420.000đ (bốn mươi tám triệu bốn trăm hai người nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Văn L - là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - anh Nguyễn Mạnh Đ, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; được hoàn trả số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số AA 0060418 ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS NDTP Hà Nội;
- TAND huyện Ba Vì;
- Chi cục THADS huyện Ba Vì;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Hồng